TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 12 – CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 13/3/2026
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 – CẦN THƠ

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Tiến

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Trưởng

Bà Lê Thị Mỹ Linh

- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà Huỳnh Thị Hồng Luyến - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 12 – Cần Thơ.

Ngày 13 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 12 – Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 85/2025/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2025 về "Tranh chấp ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 02 năm 2026; giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Tiêu Minh H, sinh năm 1969 (có mặt)

Địa chỉ: Khu V, phường L, thành phố Cần Thơ.

2. Bị đơn: Ông Phạm Văn E, sinh năm 1968 (có yêu cầu xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Khu V, phường L, thành phố Cần Thơ.

Chỗ ở hiện nay: E11, đường E, Công ty V uy tín khu công nghiệp L, Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa nguyên đơn bà Tiêu Minh H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi và ông Phạm Văn E tự nguyện thành hôn và tổ chức đám cưới năm 1993, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã V, huyện L, tỉnh Cần Thơ (cũ), ngày 19/4/2001, thời gian đầu chung sống hạnh phúc

nhưng về sau phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên cự cãi không hàn gắn được và ly thân, nay yêu cầu ly hôn với ông Phạm Văn E.

Về con chung: Có 02 người con Phạm Thành H1 (giới tính: Nam), sinh ngày 13/6/2001 và Phạm Mỹ H2 (giới tính: Nữ), sinh ngày 16/9/1994. Hiện nay các con đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn ông Phạm Văn E trình bày tại biên bản hòa giải ngày 13/11/2025:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Tiêu Minh H tự nguyện thành hôn có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã V, huyện L, tỉnh Cần Thơ (cũ), ngày 19/4/2001, thời gian đầu chung sống hạnh phúc, nguyên nhân mâu thuẫn bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên cự cãi, nay bà Tiêu Minh H yêu cầu ly hôn thì ông không đồng ý, lí do ông còn thương vợ và yêu cầu xin được đoàn tụ.

Về con chung: Có 02 người con Phạm Thành H1 (giới tính: Nam), sinh ngày 13/6/2001 và Phạm Mỹ H2 (giới tính: Nữ), sinh ngày 16/9/1994. Hiện nay các con đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ đã thể hiện trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, tranh luận tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại tòa án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về trình tự, thủ tục.

[1.1] Đây là vụ án "Tranh chấp ly hôn", bị đơn có nơi cư trú trên địa bàn khu vực 12 - Cần Thơ giải quyết là đúng thẩm quyền theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Phạm Văn E có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt đối với bị đơn Phạm Văn E dành quyền kháng cáo cho các đương sự theo luật định.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Tiêu Minh H và ông Phạm Văn E tự nguyện thành hôn và tổ chức đám cưới năm 1993, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã V, huyện L, tỉnh Cần Thơ (cũ), ngày 19/4/2001, nên hôn nhân

của ông bà là hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn bà Tiêu Minh H, Hội đồng xét xử xét thấy: Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng rất hạnh phúc, dần về sau phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, cuộc sống chung không hạnh phúc. Tại phiên hòa giải ngày 13/11/2025 ông Phạm Văn E cho rằng vợ chồng vẫn hạnh phúc và không đồng ý ly hôn xin được đoàn tụ. Hội đồng xét xử xét thấy, nguyên đơn bà Tiêu Minh H kiên quyết ly hôn vì cho rằng vợ chồng bất đồng quan điểm và không hạnh phúc, còn ông Phạm Văn E cho rằng vợ chồng có cãi vã và xin đoàn tụ gia đình, nhưng từ khi thụ lý vụ án đến nay ông Phạm Văn E không có biện pháp nào hàn gắn gia đình. Nên Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân của bà Tiêu Minh H và ông Phạm Văn E lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không đảm bảo, mục đính hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì Hội đồng xét xử cho bà Tiêu Minh H được ly hôn với ông Phạm Văn E.

[3.3] Về con chung: Đã trưởng thành và không yêu cầu giải quyết.

[3.4] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bà Tiêu Minh H phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 228; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 9, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Tiêu Minh H.

2. Về quan hệ hôn nhân: Bà Tiêu Minh H được ly hôn với ông Phạm Văn E. Giấy chứng nhận kết hôn số: 222, ngày 19/4/2001 do Ủy ban nhân dân (UBND) xã V, huyện L, tỉnh Cần Thơ (cũ) cấp không còn giá trị pháp lý.

3. Về con chung: Đã trưởng thành.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn bà Tiêu Minh H phải chịu 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng),* được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* đã nộp theo lai thu số 0004817, lập ngày 09 tháng 10 năm 2025 tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 12 – Cần Thơ. Bà Tiêu Minh H đã nộp xong án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn bà Tiêu Minh H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn ông Phạm Văn E được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại chính quyền địa phương nơi đương sự cư trú.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND TP Cần Thơ;
- Các đương sự;
- VKSND KV12;
- Phòng THA KV12;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

Nguyễn Đình Tiến